

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2021

V/v xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông K'Bar và ông Phạm Xuân Đức

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
ông Lương Hồng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc “*xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Xuân Th, sinh năm 1968; địa chỉ: bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

2. Bị đơn: bà Huỳnh Thị Th1; địa chỉ: bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn S; địa chỉ: khu vực 7, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Xuân Th trình bày:

Ông và bà Th1 chung sống với nhau từ năm 2019, quá trình sống chung bà Th1 chỉ nói với ông là đã ly hôn với chồng trước, ngày 26/10/2019 bà Th1 sinh con, dự định đặt tên là Phạm Xuân Th2. Tuy nhiên, khi ông đi đăng ký khai

sinh cho con thì mới biết bà Th1 chưa làm thủ tục ly hôn. Đến năm 2020 bà Th1 ly hôn với chồng cũ. Ông đã tiến hành xét nghiệm AND, kết quả xác định cháu Th2 là con của ông. Hiện nay, ông và bà Th1 đã đăng ký kết hôn. Do vậy, ông Th yêu cầu tòa án tuyên bố cháu Phạm Xuân Th2, sinh ngày 26/10/2019 (tên dự định đặt) là con của ông.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Th1 trình bày: bà và ông Lê Văn S (chồng cũ) sống ly thân từ năm 2004, bà sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2019 bà đến sinh sống tại Đắc Nông, quen biết và sống chung với ông Th sinh ra cháu Th2. Bà và ông S đã ly hôn năm 2020, năm 2021 bà và ông Th đã thực hiện đăng ký kết hôn, cháu Th2 là con của ông Th nên bà Th1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày: ông và bà Th1 chung sống và kết hôn năm 2002, có một con chung là cháu Lê Thị Diễm M, sinh năm 2003. Quá trình chung sống ông và bà Th1 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2004. Đến năm 2020 thì làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Khi ly hôn ông không biết bà Th1 sinh cháu Th2 vì đã ly thân từ lâu. Ông xác định cháu Th2 không phải là con đẻ của ông. Vì vậy, ông không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với cháu Th2, cũng không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Glong: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông Phạm Xuân Th là cha của cháu Phạm Xuân Th2 (tên dự định đặt), sinh ngày 26/10/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Th khởi kiện yêu cầu xác định ông là cha của cháu Phạm Xuân Th2 (tên dự định đặt) nên quan hệ pháp luật là tranh chấp về "xác định cha cho con"; bị đơn bà Th1 có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắc Glong theo quy

định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Xuân Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Bà Huỳnh Thu Th1 và ông Lê Văn S là vợ chồng hợp pháp đăng ký kết hôn vào năm 2002, đến năm 2004 sống ly thân, bà Th1 sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2019 đến sinh sống tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và sống chung với ông Phạm Xuân Th. Ngày 26/10/2019 bà Th1 sinh con dự định đặt tên là Phạm Xuân Th2 (theo Giấy chứng sinh số 24 ngày 26/10/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông).

Tại thời điểm sinh cháu Th2 giữa bà Th1 và ông S chưa ly hôn. Như vậy, cháu Phạm Xuân Th2 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thu Th1, căn cứ Điều 88 Luật hôn nhân gia đình thì cháu Th2 được xác định là con chung của bà Th1 và ông S. Tuy nhiên, khi giải quyết ly hôn cả ông S và bà Th1 đều không khai báo về việc cháu Th2 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 119/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang không xem xét giải quyết con chung là cháu Th2.

Tại kết quả xét nghiệm AND số 21374PG/DNA ngày 14/5/2021 của Công ty TNHH đầu tư và Công nghệ GENPLUS kết luận ông Phạm Xuân Th có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Phạm Xuân Th2. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn S cũng xác định cháu Th2 không phải là con ông S.

Từ những phân tích, nhận định trên, căn cứ các khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật hôn nhân gia đình yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] *Về án phí:* Xét đơn yêu cầu miễn án phí của nguyên đơn, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân Th.

Tuyên bố ông Phạm Xuân Th là cha của cháu Phạm Xuân Th2 (tên dự định đặt), sinh ngày 26/10/2019.

2. Về án phí: ông Phạm Xuân Th được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Th được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0004066, ngày 22/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Hồng Nhung

